

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 30/2018/DS-ST

Ngày: 08/02/2018

(V/v tranh chấp hợp đồng góp hui)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Phúc.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Loan;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên

Vào ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 313/2017/TLST – DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* T T L, sinh năm 1966 và Ng V A, sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã TB, huyện CL, tỉnh TG (cùng có mặt).

*Bị đơn:* Ng T B B, sinh năm 1980 và Ng M Q, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã TB, huyện CL, tỉnh TG (có mặt chị B, anh Q có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 29/9/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn T T L trình bày:**

Chị có tham gia 04 dây hui do chị Ng T B B làm chủ thảo như sau:

\* Dây hui 01: Giá hui 3.000.000 đồng, khai ngày 10/7/2016al, hui có 29 phần, chị tham gia 01 phần, một tháng khai hui 01 lần, tiền hoa hồng cho chủ thảo là 1.500.000 đồng/lần giao hui. Chị góp được 13 lần hui sống thì chị Ng T B B tuyên bố bế hui, nên phải trả lại cho chị 39.000.000 đồng.

\* Dây hui 02: Giá hui 2.000.000 đồng, khai ngày 30/9/2016al, hui có 27 phần, chị tham gia 03 phần, một tháng khai hui 01 lần, tiền hoa hồng cho chủ thảo là 1.000.000 đồng/lần giao hui. Chị góp được 11 lần hui sống x 03 phần thì chị Ng T B B tuyên bố bế hui, nên phải trả lại cho chị 66.000.000 đồng.

\* Dây hui 03: Giá hui 3.000.000 đồng, khai ngày 20/3/2017al, hui có 24 phần, chị tham gia 02 phần, một tháng khai hui 01 lần, tiền hoa hồng cho chủ thảo là 1.500.000 đồng/lần giao hui. Chị góp được 06 lần hui sống x 02 phần thì chị Ng T B B tuyên bố bế hui,

nên phải trả lại cho chị 36.000.000 đồng.

\* Dây hụi 04: Giá hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 05/6/2017al, hụi có 27 phần, chị tham gia 01 phần, một tháng khai hụi 01 lần, tiền hoa hồng cho chủ thảo là 1.000.000 đồng/lần giao hụi. Chị góp được 03 lần hụi sống thì chị Ng T B B tuyên bố bẻ hụi, nên phải trả lại cho chị 6.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi chị Ng T B B phải trả lại cho chị 147.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/10/2015al; Dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 25/02/2016al và dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 20/4/2016al do chị Ng T B B làm chủ thảo, các dây hụi này chị đã hốt hụi và nhận đủ tiền giao hụi, hiện còn thiếu lại 34.000.000 đồng, chị đồng ý căn trừ số tiền này và tiền hoa hồng của 04 dây hụi nêu trên cho chủ thảo là 8.500.000 đồng vào số tiền 147.000.000 chị Ng T B B còn nợ.

Yêu cầu chị Ng T B B và chồng là anh Ng M Q phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền, vì họ là vợ chồng. Việc chị Ng T B B làm chủ thảo hụi anh Ng M Q có biết và không có ý kiến phản đối. Yêu cầu trả tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

***\* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 02/10/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ng V A trình bày:***

Anh có tham gia 03 dây hụi do chị Ng T B B làm chủ thảo như sau:

\* Dây hụi 01: Giá hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2016al, hụi có 28 phần, anh tham gia 02 phần, một tháng khai hụi 01 lần, tiền hoa hồng cho chủ thảo là 500.000 đồng/lần giao hụi. Anh góp được 17 lần hụi sống x 02 phần thì chị Ng T B B tuyên bố bẻ hụi, nên phải trả lại cho anh 34.000.000 đồng.

\* Dây hụi 02: Giá hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 10/7/2016al, hụi có 29 phần, anh tham gia 03 phần, một tháng khai hụi 01 lần, tiền hoa hồng cho chủ thảo là 1.500.000 đồng/lần giao hụi. Anh góp được 14 lần hụi sống x 03 phần thì chị Ng T B B tuyên bố bẻ hụi, nên phải trả lại cho anh 126.000.000 đồng.

\* Dây hụi 03: Giá hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 30/9/2016al, hụi có 27 phần, anh tham gia 01 phần, một tháng khai hụi 01 lần, tiền hoa hồng cho chủ thảo là 1.000.000 đồng/lần giao hụi. Anh góp được 11 lần hụi sống thì chị Ng T B B tuyên bố bẻ hụi, nên phải trả lại cho anh 22.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi chị Ng T B B phải trả lại cho anh 182.000.000 đồng.

Anh đồng ý căn trừ tiền hoa hồng của 03 dây hụi nêu trên cho chủ thảo là 6.500.000 đồng vào số tiền 182.000.000 đồng mà chị Ng T B B còn nợ.

Yêu cầu chị Ng T B B và chồng là anh Ng M Q phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền, vì họ là vợ chồng. Việc chị Ng T B B làm chủ thảo hụi anh Ng M Q có biết và không có ý kiến phản đối. Yêu cầu trả tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

***\* Theo bản tự khai ngày 30/10/2017 và 06/11/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ng T B B trình bày:***

Chị có làm chủ thảo 07 dây hụi như chị L và anh A trình bày là đúng.

- Đối với 03 dây hụi anh A tham gia chị chỉ đồng ý trả lại tiền góp hụi như sau: Dây hụi 01 chị đồng ý trả lại 17 lần góp hụi sống x 02 phần x 700.000 đồng/lần = 23.800.000 đồng; Dây hụi 02 chị đồng ý trả lại 14 lần góp hụi sống x 03 phần x 2.300.000 đồng/lần = 96.600.000 đồng; Dây hụi 03 chị đồng ý trả lại 11 lần góp hụi sống x 1.400.000 đồng/lần = 15.400.000 đồng, vì các dây hụi bị bẻ, các hụi viên khác hốt hụi nhưng không góp lại tiền hụi

chết, chị không có khả năng choàng hụi. Đây là nợ riêng của chị, anh Ng M Q có biết chị làm chủ thảo hụi và góp hụi của các hụi viên nhưng không có liên quan gì trong vụ kiện này.

- Đối với 04 dây hụi chị L tham gia chị chỉ đồng ý trả lại tiền góp hụi như sau: Dây hụi 01 chị đồng ý trả lại 13 lần góp hụi sống  $\times 2.300.000$  đồng/lần = 29.900.000 đồng; Dây hụi 02 chị đồng ý trả lại 13 lần góp hụi sống  $\times 03$  phần  $\times 1.400.000$  đồng/lần = 46.200.000 đồng; Dây hụi 03 chị đồng ý trả lại 06 lần góp hụi sống  $\times 02$  phần  $\times 2.300.000$  đồng/lần = 27.600.000 đồng; Dây hụi 04 chị đồng ý trả lại 03 lần góp hụi sống  $\times 1.400.000$  đồng/lần = 4.200.000 đồng, vì các dây hụi bị bể, các hụi viên khác hốt hụi nhưng không góp lại tiền hụi chết, chị không có khả năng choàng hụi. Đây là nợ riêng của chị, anh Ng M Q có biết chị làm chủ thảo hụi và góp hụi của các hụi viên nhưng không có liên quan gì trong vụ kiện này.

Chị đồng ý cản trừ nợ như chị T T L và anh Ng V A trình bày.

***\* Theo bản tự khai ghi ngày 31/10/2017 bị đơn Ng M Q trình bày:***

Vợ anh là Ng T B B có làm chủ thảo hụi nhưng anh không biết và không có liên quan gì nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T T L và anh Ng V A, xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ và chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên Tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Xét thấy chị T T L và anh Ng V A khởi kiện yêu cầu chị Ng T B B, anh Ng M Q trả lại tiền góp hụi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005.

*Về yêu cầu các bên đương sự:* Tại phiên Tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy việc tham gia góp hụi giữa chị Ng T B B với chị T T L và anh Ng V A có làm hợp đồng, được hai bên thừa nhận, thể hiện ý chí của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên được công nhận.

[2] Xét chị T T L và anh Ng V A yêu cầu chị Ng T B B và anh Ng M Q phải liên đới trả lại tiền góp hụi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa các bên thừa nhận khi tham gia chơi hụi có thỏa thuận góp hụi sống được hưởng hụi chết, nhưng chị Ng T B B chỉ đồng ý trả lại cho chị T T L và anh Ng V A tiền góp hụi sống với lý do các dây hụi bể, những hụi viên hốt hụi không góp lại hụi chết, chị không có khả năng choàng hụi là không có cơ sở. Bởi lẽ, hụi các bên tham gia là hụi có lãi (góp hụi sống được hưởng hụi chết). Chị Ng T B B làm chủ thảo hụi và hưởng hoa hồng thì phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các hụi viên trong dây hụi. Nếu các hụi viên hốt hụi nhưng không góp lại hụi chết thì chị Ng T B B có quyền khởi kiện họ bằng vụ kiện khác theo quy định pháp luật. Lỗi làm cho các dây hụi bị bể không phải của chị T T L và anh Ng V A. Chị T T L và anh Ng V A đã thực hiện nghĩa vụ góp hụi

cho chị Ng T B B nhưng chị Ng T B B không trả lại tiền góp hụi theo thỏa thuận là vi phạm Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị định Số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên yêu cầu của chị T T L và anh Ng V A là có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên toà chị Ng T B B thừa nhận chị làm chủ thảo hụi anh Ng M Q có biết, chị là người quản lý chi tiêu chính trong gia đình và việc làm chủ thảo hụi không phục vụ cho mục đích riêng nên việc cá nhân một mình chị đứng ra trả lại tiền góp hụi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T T L và anh Ng V A nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của anh Ng M Q không biết chị Ng T B B làm chủ thảo hụi là mâu thuẫn với lời khai của chị Ng T B B tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức đối chất nợ chung của hai vợ chồng nhưng anh Ng M Q không đến dự mà không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[5] Ghi nhận sự tự nguyện của chị T T L và chị Ng T B B về việc cản trừ 34.000.000 đồng và 8.500.000 đồng hoa hồng cho chủ thảo vào số tiền mà chị Ng T B B phải trả chị T T L. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ng V A và chị Ng T B B về việc cản trừ 6.500.000 đồng tiền hoa hồng cho chủ thảo vào số tiền mà chị Ng T B B phải trả cho anh Ng V A.

[6] Xét đơn xin miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm của chị Ng T B B không thuộc trường hợp được miễn giảm án phí theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không chấp nhận

[7] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy cho đến khi có Quyết định khác thay thế.

[8] Về án phí: Chị Ng T B B và anh Ng M Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 298, 479 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định Số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T T L và anh Ng V A.

1. Buộc chị Ng T B B và anh Ng M Q có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T T L 104.500.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc chị Ng T B B và anh Ng M Q có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Ng V A 175.500.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T T L và anh Ng V A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Ng T B B và anh Ng M Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy cho đến khi có Quyết định khác thay thế.

4. Về án phí: Chị Ng T B B và anh Ng M Q phải chịu 14.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại chị T T L 3.675.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 14868 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy. Hoàn lại anh Ng V A 4.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 14831 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các Đ/S;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc